

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **45/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 18-8-2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Ông Nguyễn Trường Thông.

2. Bà Trần Thanh Hoa.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Tuyết Trang.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1983

2. Bị đơn: Anh **Võ H. E (Võ Văn L)**, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp BM, xã VBB, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 31/5/2022, biên bản hòa giải ngày 18/7/2022 nguyên đơn chị **Trần Thị H** trình bày:*

Chị và anh Võ H. E chung sống với nhau năm 2000, có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2018. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc không bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường cãi nhau, mỗi lần cãi nhau anh H. E có

đánh chị bằng tay nhiều lần nên làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được, đã thật sự ly thân nhau từ tháng 4 năm 2021 đến nay.

Về con: Vợ chồng có 04 con chung tên Võ Thị Mỹ N1, sinh ngày 22/7/2002; Võ Thị Mỹ N2, sinh ngày 19/02/2005; Võ Chí C, sinh ngày 06/4/2018; Võ Chí Hh, sinh ngày 25/8/2019.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn anh Võ H. E;

2. Về quan hệ nuôi con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi con Võ Thị Mỹ N2, sinh ngày 19/02/2005 và Võ Chí C, sinh ngày 06/4/2018; giao Võ Chí H, sinh ngày 25/8/2019 cho anh H. E trực tiếp nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn;

Hiện chị đang làm thuê thu nhập trung bình mỗi tháng 8 triệu đồng; tổng nhất thu nhập của anh H. E trung bình mỗi tháng 12 triệu đồng.

3. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với yêu cầu trên của nguyên đơn, tại bản tự khai ngày 07/7/2022, biên bản hòa giải ngày 18/7/2022 bị đơn anh **Võ H. E** trình bày:*

Về thời gian vợ chồng chung sống, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, về mâu thuẫn vợ chồng, về con, tài sản và nợ là hoàn toàn đúng như chị Trần Thị H trình bày trên, anh không trình bày gì thêm.

Nay theo yêu cầu của chị H, anh có ý kiến như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với Trần Thị H, vì lý do còn tH vợ;

Nếu Tòa án giải quyết cho chị H ly hôn với anh thì anh có ý kiến như sau:

2. Về quan hệ nuôi con chung: Đồng ý nuôi Võ Chí H, sinh ngày 25/8/2019; giao Võ Thị Mỹ N2, sinh ngày 19/02/2005 và Võ Chí C, sinh ngày 06/4/2018 cho chị H nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn;

Hiện anh đang làm thuê thu nhập trung bình mỗi tháng 12 triệu đồng; tổng nhất thu nhập của chị H trung bình mỗi tháng 8 triệu đồng.

3. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại phiên tòa:***

- Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xem xét những vấn đề cụ thể như sau, về hôn nhân: Cho chị Trần Thị H ly hôn anh Võ H. E; về nuôi con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa chị H và anh H. E, giao Võ Thị Mỹ N2, sinh ngày 19/02/2005 và Võ Chí C, sinh ngày 06/4/2018 cho chị H trực tiếp nuôi và giao Võ Chí H, sinh ngày 25/8/2019 cho anh H. E trực tiếp nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn. Đối với Võ Thị Mỹ N1, sinh ngày 22/7/2002 đã trưởng thành, tự lao động và sinh sống được, các đương sự không yêu cầu gì nên không xem xét; về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: không có tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi hòa giải, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã tổng đạt hợp lệ đến các đương sự. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trần Thị H và bị đơn anh Võ H. E có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX vẫn

tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn chị Trần Thị H và bị đơn anh Võ H. E thống nhất xác định, vợ chồng chung sống với nhau năm 2000, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, về mâu thuẫn vợ chồng, về con chung, về tài sản, về nợ và về thu nhập của vợ chồng. Theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX khẳng định đây là sự thật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và bị đơn anh Võ H. E khi tổ chức hôn nhân, anh chị tự nguyện lấy nhau làm vợ chồng, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã VBB cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/5/2018. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H. E là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo qui định tại các điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống giữa chị H và anh H. E đã phát sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong một thời gian dài, và thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 4 năm 2021 đến nay. Bản thân anh H. E khi hòa giải tuy không đồng ý ly hôn với chị H, nhưng anh lại thừa nhận nguyên nhân dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường cãi nhau, trong lúc cãi nhau anh có vài lần đánh chị H bằng tay. Mặc dù Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng vẫn không có kết quả và thực tế anh chị cũng không còn sống chung với nhau, từ khi ly thân đến nay cũng không ai còn quan tâm đến ai (đúng như lời trình bày thừa nhận của anh chị tại phiên hòa giải và cũng phù hợp với kết quả xác minh, thu thập chứng cứ).

Từ những phân tích, đánh giá trên cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa hai bên không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh H. E theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ nuôi con chung: Hai bên đương sự đã cùng nhau thống nhất xác định và tự thỏa thuận, sau khi vợ chồng ly hôn giao con Võ Thị Mỹ N2, sinh ngày 19/02/2005 và Võ Chí C, sinh ngày 06/4/2018 cho chị H trực tiếp nuôi; giao Võ Chí H, sinh ngày 25/8/2019 cho anh H. E trực tiếp nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn. Đồng thời, cháu Võ Thị Mỹ N2 cũng đã có văn bản thể hiện ý kiến sau khi cha mẹ (chị H, anh H. E) ly hôn có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị H. Việc chị H và anh H. E không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn là tự nguyện, hơn nữa giữa hai bên đều thống nhất xác định và công nhận mỗi bên đều có nghề nghiệp và có thu nhập ổn định

nên có đầy đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung, do đó không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn; đối với Võ Thị Mỹ N1, sinh ngày 22/7/2002 đã thành niên, tự lao động, sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Thấy rằng, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự tại phiên hòa giải cũng như cho đến tại phiên tòa hôm nay không ai có ý kiến thay đổi về sự thỏa thuận đó, xét thấy phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần ghi nhận.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự đã thống nhất xác định, vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về quan hệ nợ chung: Giữa nguyên đơn chị H và bị đơn anh H. E thống nhất xác định, vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị H có đơn yêu cầu xin ly hôn nên chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị H ly hôn anh Võ H. E.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa chị Trần Thị H và anh Võ H. E, cụ thể: Sau khi ly hôn, giao Võ Thị Mỹ N2, sinh ngày 19/02/2005 và Võ Chí C, sinh ngày 06/4/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng (*đúng theo nguyện vọng của Võ Thị Mỹ N2*); giao Võ Chí H, sinh ngày 25/8/2019 cho anh H. E trực tiếp nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3 - Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4 - Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là **300.000 đồng**, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003585 ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã VBB;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Linh